

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Sỹ Hoài

Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Tổng Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 22, 23 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa, xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 401/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 341/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Dương Hồng P, sinh ngày 02/4/1993, tại: Hà Tĩnh; trú tại: Thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã K, tỉnh Hà Tĩnh); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dương Việt D và bà Nguyễn Thị T;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2024/HSST ngày 24/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/12/2024.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

2. Dương Văn T1, sinh ngày 18/12/1993 tại: Quảng Bình; trú tại: Thôn D, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dương Xuân T2 (đã chết) và bà Trần Thị A.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2010/HSST ngày 15/11/2010 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 16 năm tù về tội “Giết người”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/5/2020 (phạm tội lúc chưa thành niên)

- Bản án hình sự phúc thẩm số 223/2024/HSPT ngày 29/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 04 năm 09 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Đ2 – Bộ C; có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Thị T3, sinh ngày 30/5/1983 tại Hưng Yên; Nơi đăng ký thường trú: Cụm C, xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội; tạm trú: Tổ 33 Khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Thế D1 và bà Vũ Thị B (đã chết); chồng: Nguyễn Hồng H, sinh năm 1977, có 02 con: con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HSST ngày 20/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam T9 – Bộ C; có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Hồng H, sinh ngày 18/4/1977 tại Hải Phòng; nơi đăng ký thường trú: E đường P, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, thành phố Hồ Chí Minh); nơi đăng ký tạm trú: F A, phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng); Chỗ ở: Tổ C Khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: N (đã chết) và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1941; vợ: Phạm Thị Thu .

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/07/2023 đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực N thuộc Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh K; có mặt tại phiên tòa.

5. Trần Thị T4, sinh ngày 01/11/1986; nơi đăng ký thường trú: Ấp T, xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã B, thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn G1, sinh năm 1962 và bà Trần Thị H1, sinh năm 1960; chồng: Bùi Khắc Thái Thành T5, sinh năm 1984 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2007.

Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2023/HSST ngày 19/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng kể từ ngày tuyên án.

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2025/HSST ngày 28/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Chuyển hình phạt 08 tháng tù cho hưởng án treo tại bản án số 74/2023/HSST ngày 19/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai thành hình phạt 08 tháng tù giam. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 năm 02 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án (được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam của bản án số 74/2023/HSST ngày 19/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai từ ngày 03/01/2023 đến ngày 19/5/2023).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/01/2024 cho đến nay tại phân trại tạm giam khu vực N thuộc Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh K; có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại*: Ông Nguyễn Xuân Đ – Chủ Doanh nghiệp tư nhân vàng bạc Được Ngọc

Địa chỉ: 51 L, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1964, trú tại: E L, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1964, trú tại: E L, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

* Người làm chứng: Ông Nguyễn Xuân D2, sinh năm 1994, trú tại: E L, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 5/2023, Dương Hồng P, Vũ Văn T6, Lê Ngọc H2 thông qua Dương Văn T1 quen biết vợ chồng Phạm Thị T3, Nguyễn Hồng H. Qua trò chuyện, nhóm P biết T3 có mối làm vàng giả nên đã bàn nhau mua dây chuyền vàng thật nhằm lấy hóa đơn và đặc điểm, ký hiệu vàng mang về đưa T3 đặt làm giả dây chuyền vàng có đặc điểm tương tự rồi mang đến tiệm vàng dùng thủ đoạn dối, cầm thế để chiếm đoạt tiền. Số tiền mua vàng thật, tiền thanh toán làm vàng giả do T3 ứng ra trả trước, sau khi chiếm đoạt được tiền của tiệm vàng thì T3 sẽ cản trừ các chi phí đã bỏ ra và chia số tiền còn lại cho những người trong nhóm.

Khi có được dây chuyền vàng giả, cả nhóm đi đến thành phố N để thực hiện hành vi lừa đảo và chọn tiệm V1, địa chỉ E L, phường L, thành phố N làm mục tiêu. Cả nhóm phân công Dương Văn T1, Dương Hồng P, Vũ Văn T6 thay nhau đi vào tiệm vàng Được N dùng thủ đoạn cầm thế vàng để chiếm đoạt tài sản, những người khác ở ngoài đợi và canh giới. Cụ thể:

Trưa ngày 12/05/2023, Dương Văn T1 lấy tên là “T5” đi vào tiệm vàng Được N đưa cho bà Trần Thị Mỹ N 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng (giả) ký hiệu “CONG 999” trọng lượng 10,143 chỉ (mẫu niêm phong ký hiệu “TÂM”), đổi lấy 01 dây chuyền vàng 05 chỉ, 01 lắc vàng 05 chỉ, bù thêm cho bà N số tiền 4.800.000 đồng. Sau đó T1 đưa dây chuyền này cho T3 lấy mẫu đi làm giả.

Khoảng 18 giờ ngày 13/05/2023, P đi xe máy hiệu Future, màu xám, gắn biển số 49B1 - 478.89 đến tiệm V1 gặp bà N tự xưng tên là “H3” và mua một sợi dây chuyền bằng vàng trọng lượng 5 chỉ với giá 28.000.000 đồng. Đến sáng ngày 14/5/2023, P tới gặp bà N cầm thế sợi dây chuyền mà P mua của bà N ngày 13/05/2023. Đến chiều cùng ngày, P đến chuộc lại dây chuyền này. Sau đó, P lấy dây chuyền vừa chuộc bù thêm số tiền 28.000.000 đồng để mua 01 sợi dây chuyền bằng vàng của tiệm Được N có ký hiệu riêng, đặc điểm riêng: dạng khoen lật, có móc hình chữ “S”, trên thân móc có ký hiệu “KL HAI”, “NC”, trên đầu nối với móc có ký hiệu “KL10”, “HAI”, có trọng lượng: 9,82 chỉ, về đưa T3 lấy mẫu gửi đi làm giả. Sau đó cả nhóm về thành phố B, Đồng Nai để đợi làm vàng giả.

Ngày 19/5/2023, Trần Thị T4 sau khi được Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai trả tự do tại phiên tòa thì sau đó liên hệ với nhóm của Phạm Thị Thu . Đến ngày 21/05/2023, sau khi làm giả được một số sợi dây chuyền vàng thì cả nhóm gồm T3, H, P, T1, T6, H2 và Trần Thị T4 đi đến thành phố N. H dùng ô tô hiệu Toyota Inova, màu đen biển số 51G – 613.56 chở T3, số còn lại đi xe máy đi từ thành phố B, tỉnh Đồng Nai đến thành phố N thuê nhà trọ để ở.

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 22/05/2023, Dương Văn T1 đi xe máy đến tiệm V1 gặp bà N cầm thế 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có trọng lượng: 9,82245 chỉ; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng chữ công, trọng lượng: 5,15730 chỉ; 01 lắc tay bằng kim loại màu vàng, trọng lượng: 4,995 chỉ (tất cả là vàng giả). Bà N mang 02 dây chuyền và lắc tay trên đi thử, không phát hiện đây là vàng giả nên đồng ý cho Dương Văn T1 cầm thế lấy số tiền **95.000.000 đồng** (mẫu được niêm phong ký hiệu “TÂM”)

Đến khoảng 10 giờ 45 phút cùng ngày, P đi vào tiệm V1, đưa ra 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, trọng lượng: 9,82 chỉ (là vàng giả), P nói với bà N “đây là cái dây cháu mua của cô hôm trước” muốn cầm thế, bà N xem, thấy giống như dây đã bán ngày 14/5/2023 cho P, đồng thời mang dây này đi thử, không phát hiện ra đây là vàng giả nên đồng ý cho P cầm thế lấy số tiền **45.000.000 đồng** (mẫu niêm phong ký hiệu “HUY”).

Sau đó cả nhóm đi về lại thành phố B, Đồng Nai. Trên đường về, cả nhóm có dừng lại vào tiệm V2, địa chỉ: A đường B, phường C, thành phố C để mua 02 dây chuyền vàng dạng khoen lật, trọng lượng mỗi dây 5 chỉ; tiệm V3 ở thị trấn C, huyện C mua 01 dây chuyền vàng dạng khoen lật, trọng lượng 1 cây, mục đích lấy 02 hóa đơn cùng mẫu vàng để T3 đi đặt làm giả.

Khoảng 10 giờ ngày 27/05/2023, T6 đi vào tiệm V1 gặp bà N, tự xưng tên “Đ1”, cầm thế: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, trọng lượng: 5,160 chỉ; 01 lắc tay bằng kim loại màu vàng, trọng lượng: 4,989 (đều là vàng giả). Bà N hỏi T6 là hai món này mua ở đâu, T6 trả lời là “người nhà con mua của cô ngày trước”, bà N quan sát thì thấy hai món này giống đặc điểm hình dáng, ký hiệu, trọng lượng, kích thước các trang sức vàng của tiệm Được N đang kinh doanh, sau đó đã mang dây chuyền và lắc tay này đi thử thì không phát hiện đây là vàng giả nên đồng ý cho T6 cầm thế lấy số tiền **45.000.000 đồng** (mẫu niêm phong ký hiệu “ĐỨC”).

Khoảng 45 phút sau, P đi vào tiệm V1 gặp bà N đưa cầm thế 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, trọng lượng: 4,971 chỉ (vàng giả) nói bà N không dùng nữa vì sợ hư vàng, chỉ đồng ý cho bà N dùng lửa và a xít để kiểm tra. Sau khi kiểm tra không phát hiện là vàng giả nên bà N đồng ý cho P cầm thế với số tiền **21.000.000 đồng** (mẫu niêm phong ký hiệu “HUY”).

Đến 14 giờ 30 phút cùng ngày, P quay lại tiệm V1 gặp bà N cầm thế 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có trọng lượng: 5,00 chỉ; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, trọng lượng: 5,00 chỉ; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, trọng lượng: 9,967 chỉ (đều là vàng giả). Bà N hỏi P là “mấy cái này mua ở đâu” thì P trả lời là “cháu mua ở C với C” và đưa ra hai hóa đơn mua vàng tại hiệu vàng K, địa chỉ: thị trấn C, C vào ngày 22/5/2023 và hóa đơn mua vàng tại hiệu vàng Kim Khoa II, địa chỉ: A đường B, phường C, thành phố C vào ngày 22/5/2023 (BL52,53). Sau khi xem hóa đơn, cân các dây chuyền P đưa, bà N thấy trùng khớp về đặc điểm, trọng lượng, bên cạnh đó đã mang các dây chuyền này đi thử và không phát hiện ra đây là vàng giả nên đồng ý cho P cầm thế lấy số tiền: **85.000.000 đồng** (mẫu niêm phong ký hiệu “HUY”).

Sau khi P đi ra khỏi tiệm vàng, do thấy nghi ngờ nên bà N và người nhà mang số dây chuyền mà P vừa cầm thế ra dùng lửa để thử sâu vào bề mặt các dây này thì thấy bong lớp kim loại màu vàng, lộ ra lớp kim loại màu trắng bạc, tiếp đó bà N mang toàn bộ những sợi dây chuyền, lắc tay mà Dương Văn T1, Dương Hồng P, Vũ Văn T6 đã cầm thế vào các ngày 12/05/2023, 22/05/2023, 27/05/2023 ra rồi dùng lửa để thử thì tất cả dây chuyền và lắc tay này đều bị bong lớp kim loại màu vàng bên ngoài, bên trong lộ ra lớp kim loại màu trắng bạc, đều là đồ giả nên đã đến trình báo cơ quan Công an.

Tại Kết luận giám định số 4606/KL-KTHS ngày 13/07/ 2023 của Phân viện KHHS tại TP Hồ Chí Minh – Bộ C (BL 49,50), kết luận:

- Gói 1 (mẫu niêm phong ký hiệu “HUY”)

+ Mẫu ký hiệu M1.1: 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, khối lượng 36,8355g, gửi giám định có thành phần chủ yếu là kim loại bạc 97,99%.

+ Mẫu ký hiệu M1.2: 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, khối lượng 18,6455g, gửi giám định có thành phần chủ yếu là kim loại bạc 96,39%.

+ Mẫu ký hiệu M1.3: 03 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, tổng khối lượng 74,8803g, gửi giám định có thành phần chủ yếu là kim loại bạc 97,50%.

- Gói 2: (mẫu niêm phong ký hiệu “TÂM”)

+ Mẫu ký hiệu M2.1: 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, khối lượng 38,0360g, gửi giám định có thành phần chủ yếu là kim loại bạc 97,79%.

+ Mẫu ký hiệu M2.2: 02 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, tổng khối lượng 56,1737g và 01 lắc tay kim loại màu vàng, khối lượng 18,7341g, gửi giám định có thành phần chủ yếu là kim loại bạc, hàm lượng trung bình 94,03%.

- Gói 3 (mẫu niêm phong ký hiệu “ĐỨC”)

+ Mẫu ký hiệu M3.1: 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, khối lượng 19,3589g, gửi giám định có thành phần chủ yếu là kim loại bạc, hàm lượng trung bình 98,12%.

+ Mẫu ký hiệu M3.2: 01 lắc tay kim loại màu vàng, khối lượng 18,7105g, gửi giám định có thành phần chủ yếu là kim loại bạc, hàm lượng trung bình 98,67%.

Tất cả các mẫu kim loại trên đều được mạ một lớp Vàng mỏng không xác định được khối lượng.

Công văn số 567/HĐĐG ngày 28/06/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - U từ chối giám định tài sản theo yêu cầu định giá số 6389/YC-CSĐT-ĐHS ngày 28/06/2024 đối với: 01 sợi dây chuyền vàng, dạng khoen vuông, có móc hình chữ “M”, trên thân khoen gần móc có ký hiệu “HAO C99” trọng lượng 5,160 chỉ; 01 lắc tay vàng, dạng khoen lật, có đính treo hình trái tim có ký hiệu “KL*”, có móc hình chữ “S”, trên đầu nối với móc có ký hiệu “KL*980” trọng lượng 4,989 chỉ. Do yêu cầu định giá không thể hiện nguồn gốc, xuất xứ, chủng loại tài sản, tình trạng chất lượng của tài sản và hồ sơ tài liệu liên quan của tài sản. (BL355)

Quá trình điều tra, Phạm Thị T3, Nguyễn Hồng H, Dương Hồng P, Vũ Văn T6, Lê Ngọc H2, Dương Văn T1, Trần Thị T4 đã thành khẩn khai nhận việc dùng bạc giả vàng gồm 09 sợi dây bằng kim loại màu vàng và 02 lắc tay bằng kim loại màu vàng đến đổi, cầm thế vào các ngày 12/5/2023, 22/5/2023, 27/5/2023 tại tiệm V1 để chiếm đoạt tổng số tiền là 291.000.000đ.

Đối với Vũ Văn T6, Lê Ngọc H2 hiện đang bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã ra quyết định truy nã, quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can và quyết định tách vụ án hình sự để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 218/CT-VKSNT ngày 01 tháng 8 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa đã truy tố các bị cáo Dương Hồng P, Dương Văn T1, Phạm Thị T3, Nguyễn Hồng H, Trần Thị T4 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị Thư T7 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Hồng P từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Văn T1 từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng H từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị T4 từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Đối với Dương Văn T1, Phạm Thị T3, Trần Thị T4 cần tổng hợp hình phạt của các bản án đã có hiệu lực pháp luật theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với các mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong trong 01 gói ký hiệu vụ số 4606/C09B có các chữ ký ghi tên Nguyễn Phước N1 và Nguyễn Vũ T8.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Các bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 186.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, Kiểm sát viên đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo Dương Hồng P, Dương Văn T1, Phạm Thị T3, Nguyễn Hồng H, Trần Thị T4 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đủ cơ sở kết luận:

Bằng thủ đoạn đặt làm giả các loại dây chuyền, lắc tay vàng rồi đem cầm thế lừa đảo chiếm đoạt tiền của tiệm vàng, vào các ngày 22/05/2023, 27/05/2023, tại tiệm V1, địa chỉ E L, phường L, thành phố N, Dương Hồng P, Dương Văn T1, Phạm Thị T3, Nguyễn Hồng H, Trần Thị T4 đã dùng các sợi dây chuyền và lắc tay bằng kim loại màu vàng (vàng giả) để lừa đảo chiếm đoạt của tiệm V1 tổng cộng 291.000.000đ.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa) đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Các bị cáo P, T1, T3, T4 đều có nhân thân xấu, ngoài hành vi phạm tội lần này thì còn thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản khác và đã bị kết án. Vì vậy cần phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

Về vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó, bị cáo Phạm Thị T3 là người chủ mưu, cầm đầu; các bị cáo Dương Hồng P, Dương Văn T1 là người thực hành tích cực; bị cáo Nguyễn Hồng H, Trần Thị T4 là những người giúp sức.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần nên tất cả các bị cáo đều bị áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Riêng đối với bị cáo Trần Thị T4, bị cáo đã bị xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo theo bản án hình sự sơ thẩm số 74/2023/HSST ngày 19/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Sau khi được trả tự do tại phiên tòa thì bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội cùng các bị cáo P, T1, T3, H. Vì vậy hành vi phạm tội lần này của bị cáo Trần Thị T4 thuộc trường hợp tái phạm và bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra truy tố cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Trần Thị T4, Dương Hồng P, Phạm Thị T3, Nguyễn Hồng H đã bồi thường và tác động gia đình bồi thường khắc phục một phần thiệt hại; bị cáo Nguyễn Hồng H có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; các bị cáo đều được bị hại xin giảm

nhẹ hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với tất cả các bị cáo; áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T4, P, T3, H; giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo.

[5] Về việc tổng hợp hình phạt:

Bị cáo Dương Văn T1 hiện đang chấp hành án theo bản án hình sự phúc thẩm số 223/2024/HSPT ngày 29/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;

Bị cáo Phạm Thị T3 hiện đang chấp hành án theo bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HSST ngày 20/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa;

Bị cáo Trần Thị T4 đã bị kết án theo các bản án hình sự sơ thẩm số 74/2023/HSST ngày 19/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và bản án hình sự sơ thẩm số 34/2025/HSST ngày 28/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Do đó đối với các bị cáo Dương Văn T1, Phạm Thị T3, Trần Thị T4, cần tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt của các bản án nêu trên theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bồi thường thiệt hại tổng số tiền là 291.000.000đ. Đại diện bị hại xác nhận Dương Hồng P đã bồi thường 20.000.000đ, bị cáo Trần Thị T4 đã bồi thường 45.000.000đ; tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị T3, Nguyễn Hồng H đã tác động gia đình bồi thường 20.000.000đ/bị cáo nên bị hại yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền còn lại là 186.000.000đ.

Xét thấy, các bị cáo Phạm Thị T3, Dương Hồng P, Dương Văn T1, Nguyễn Hồng H, Trần Thị T4 cùng với Vũ Văn T6, Lê Ngọc H2 đã chiếm đoạt của bị hại tổng số tiền là 291.000.000đ nên phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại. Tại phiên tòa các bị cáo T3, P, T1, H, T4 thống nhất phân chia trách nhiệm bồi thường của các bị cáo đối với tổng số tiền 291.000.000đ như sau: bị cáo T4 bồi thường 45.000.000đ; bị cáo T3, P, T1, H mỗi bị cáo bồi thường 61.500.000đ. Đây là sự tự nguyện của các bị cáo phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Như vậy, bị cáo T4 đã bồi thường đủ cho bị hại 45.000.000đ. Bị cáo Dương Hồng P, Phạm Thị T3, Nguyễn Hồng H, mỗi bị cáo đã bồi thường 20.000.000đ nên các bị cáo P, T3, H, mỗi bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền còn thiếu là 41.500.000đ; bị cáo T1 còn phải bồi thường 61.500.000đ.

[7] Về vật chứng:

Đối với 01 gói ni long được niêm phong vụ số 4606/C09B, trong có mẫu vật còn lại sau giám định gồm các mẫu M1.1, M1.2, M1.3; mẫu M2.1. M2.2 (dây chuyền), M2.2 (lắc); mẫu M3.1, M3.2: Xét thấy các vật chứng thu giữ

được xác định có thành phần chủ yếu là kim loại Bạc, còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[8] Đối với Vũ Văn T6, Lê Ngọc H2 hiện đang bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã ra quyết định truy nã và tách vụ án hình sự đối với T6, H2, khi bắt được sẽ tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Dương Hồng P 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Dương Văn T1 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt 04 năm 09 tháng tù tại bản án hình sự phúc thẩm số 223/2024/HSPT ngày 29/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **13 (mười ba) năm 03 (ba) tháng tù**.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành bản án hình sự phúc thẩm số 223/2024/HSPT ngày 29/11/2024 (tức ngày 24/02/2024).

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Phạm Thị T3 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt 08 năm tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HSST ngày 20/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù**.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành bản án số 17/2024/HSST ngày 20/02/2024 (tức ngày 05/7/2023).

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hồng H 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/7/2023.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Thị T4 08 (tám) năm tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt 03 năm 02 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 34/2025/HSST ngày 28/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của các bản án là **11 (mười một) năm 02 (hai) tháng tù**.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/01/2024. Thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2023 đến ngày 19/5/2023 theo bản án số 74/2023/HSST ngày 19/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự;

Buộc các bị cáo Phạm Thị T3, Dương Hồng P, Dương Văn T1, Nguyễn Hồng H phải liên đới bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 186.000.000đ (*một trăm tám mươi sáu triệu đồng*), trong đó bị cáo Phạm Thị T3 phải bồi thường 41.500.000đ (*bốn mươi một triệu năm trăm nghìn đồng*), Dương Hồng P phải bồi thường 41.500.000đ (*bốn mươi một triệu năm trăm nghìn đồng*); Nguyễn Hồng H phải bồi thường 41.500.000đ (*bốn mươi một triệu năm trăm nghìn đồng*) và Dương Văn T1 phải bồi thường 61.500.000đ (*sáu mươi một triệu năm trăm nghìn đồng*).

3. Về vật chứng:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với các mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong trong 01 gói ký hiệu vụ số 4606/C09B có các chữ ký ghi tên Nguyễn Phước N1 và Nguyễn Vũ T8.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận tài sản số 341/BBBg-KBKH ngày 26/02/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N, tỉnh Khánh Hòa và Kho bạc Nhà nước K.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Bị cáo Phạm Thị T3 phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.075.000đ (*hai triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Dương Hồng P phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.075.000đ (*hai triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Dương Văn T1 phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.075.000đ (*ba triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Hồng H phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.075.000đ (hai triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Thị T4 phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực I – Khánh Hòa;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo; bị hại; NLQ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Quỳnh Trang